**PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CÔNG NỢ PHẢI THU VÀ CÔNG NỢ PHẢI TRẢ BẰNG CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**

Đinh Thị Thu Hiền; Nguyễn Thị Quỳnh Giao

**Tóm tắt**

Một trong những phần hành kế toán quan trọng đó là phần hành công nợ, hoạt động trong doanh nghiệp hình thành nhiều chỉ tiêu về công nợ như nợ phải thu khách hàng, nợ phải thu khác, phải trả khác, phải trả nội bộ… tuy nhiên có 2 chỉ tiêu công nợ có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp đó là công nợ phải thu và công nợ phải trả. Mỗi doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực khác nhau thì có cách quản lý công nợ khác nhau, những doanh nghiệp có quy mô thì cách quản lý mang tính chặt chẽ cụ thể và chi tiết, những doanh nghiệp nhỏ thì cách quản lý được xem là đơn giản hớn. Để quản lý tốt nhất cần thiết sử dụng công cụ phân tích tài chính. Từ đó đánh giá được mối quan hệ và có cách quản lý tốt hơn khoản công nợ này. Bài viết xin đề cập đến mối quan hệ và các chỉ tiêu dùng trong phân tích mối quan hệ giữa công nợ phải thu và phải trả, phục vụ cho quá trình giảng dạy.

Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp luôn tồn tại quan hệ phải thu phải trả, những doanh nghiệp có quy mô thì khoản phải thu phải trả được tập hợp từ nhiều chỉ tiêu nhỏ, do đó công tác quản lý và phân tích cần thiết được quan tâm. Mục đích khi sử dụng các chỉ tiêu phân tích nhằm giúp NQT doanh nghiệp theo dõi về khoản nợ đã đến hạn, theo dõi về thời hạn thu nợ, theo dõi vấn đề quá hạn.. để có phương án sử dụng, huy động tốt hơn.

*Mối quan hệ giữa phải thu và phải trả thường phụ thuộc vào những nhân tố như:*

-Đặc điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, tính chất cạnh tranh của các sản phẩm. Những sản phẩm mang tính độc quyền thì trị số của các chỉ tiêu thấp hơn sản phẩm cạnh tranh.

-Phụ thuộc vào chính sách, cơ chế tài chính trong môi trường kinh doanh.

-Phụ thuộc vào nền kinh tế ổn định, hay nền kinh tế khủng hoảng..

**Các chỉ tiêu phân tích mối quan hệ**

Phương pháp phân tích chủ yếu là phương pháp so sánh tương đối thể hiện dưới tỷ lệ % và phương pháp so sánh tuyệt đối thể hiện dứoi dạng số chênh lệch về các khoản phải thu phải trả để đưa ra nhận định chính xác hơn.

***1/Tỷ lệ phải thu so với phải trả***

Tỷ lệ phải thu so với phải trả = (Các khoản phải thu/ Các khoản phải trả)\*100%

Khi tính toán nếu tỷ lệ này > 50%, chứng tỏ các khoản phải thu cao hơn các khoản phải trả, doanh nghiệp có nguy cơ vốn bị chiếm dụng nhiều dẫn đến việc sử dụng vốn không có hiệu quả. Nếu tỷ lệ này <50%, chứng tỏ khoản phải trả nhỏ hơn khoản phải thu doanh nghiệp chiếm dụng vốn của các đối tượng khác nhiều làm tăng vốn sử dụng nhưng cũng tăng các khoản chi phí phát sinh. Các chỉ tiêu được sử dụng từ Bảng cân đối kế toán

***2/Tỷ lệ phải thu đến hạn so với phải trả đến hạn***

Tỷ lệ phải thu đến hạn so với phải trả đến hạn=(Các khoản phải thu đến hạn/Các khoản phải trả đến hạn)\*100%

Nếu tỷ lệ >50%, chứng tỏ khoản phải thu đến hạn nhiều hơn khoản phải trả đến hạn như vậy khâu thu hồi tiền từ khách hàng gặp khó khăn. Nếu tỷ lệ <50% chứng tỏ các khoản phải trả đến hạn nhiều hơn các khoản phải thu đến hạn khi đó khâu thu tiền từ khách gặp nhiều thuận lợi hơn. Tuy nhiên có lưu ý khi xác định gía trị khoản phải thu đến hạn và khoản phải trả đến hạn cần kết hợp số liệu từ Bảng cân đối kế toán và các báo cáo nội bộ trong doanh nghiệp.

***3/Tỷ lệ phải thu quá hạn so với phải trả quá hạn***

Tỷ lệ phải thu quá hạn so với phải trả quá hạn= ( Các khoản phải thu quá hạn/ các khoản phải trả quá hạn)\*100%

Nếu tỷ lệ >50%, chứng tỏ các khoản phải thu quá hạn nhiều hơn các khoản phải trả quá hạn chứng tỏ doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn nhiều, chính sách thu hồi nợ không có hiệu quả, quá trình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, hoạt động của doanh nghiệp bị gián đoạn, hiệu qủa sử dụng vốn giảm

Nếu tỷ lệ <50%, các khoản phải trả quá hạn nhiều hơn các khoản phải thu quá hạn chứng tỏ doanh nghiệp bị chiếm dụng vốn ít hơn chiếm dụng vốn của các đối tượng, làm cho hiệu quả sử dụng vốn tăng, hoạt động có vốn nên hạn chế những rủi ro.

***4/ Tỷ lệ phải thu quá hạn so với tổng phải thu***

-Tỷ lệ = (Các khoản phải thu quá hạn/Tổng phải thu)\*100%

-Tỷ lệ phải thu quá hạn so với tổng tài sản = (Các khoản phải thu quá hạn/ Tổng tài sản)\*100%

Nếu tỷ lệ này cao chứng tỏ các khoản phải thu quá hạn chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng cac khoản phải thu làm giảm khả năng thu hồi nợ, hoạt động của doanh nghiệp gặp khó khăn, chính sách tín dụng không có hiệu quả, tình hình tài chính của doanh nghiệp phụ thuộc vào nợ nhiều.

***5/Tỷ lệ phải trả quá hạn so với tổng phải trả***

-Tỷ lệ = ( Các khoản phải trả quá hạn/ Tổng các khoản phải trả)\*100%

-Tỷ lệ các khoản phải trả quá hạn so với tổng nguồn vốn =(Các khoản phải trả quá hạn/Tổng nguồn vốn)\*100%

Khi tỷ lệ cao, khoản phải trả nhiều chiếm đáng kể trong các khoản phải trả chứng tỏ doanh nghiệp không quản lý tốt về việc trả nợ, khả năng thanh toán kém, làm xuất hiện rủi ro dẫn đến phá sản.

Ví dụ minh hoạ:

Công ty thương mại H tiến hành phân tích tình hình công nợ phải thu và phải trả để đưa ra nhận định về 2 khoản công nợ như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Đầu kỳ** | **Cuối kỳ** | **Chênh lệch** |
| Tỷ lệ phải thu so với phải trả | 59,3% | 59,6% | 0,3% |
| tỷ lệ phải thu đến hạn so với phải trả đến hạn | 55,1% | 57,3% | 2,2% |
| Tỷ lệ phải thu quá hạn so với phải trả quá hạn | 112% | 104% | -8% |
| Tỷ lệ phải thu quá hạn so với tổng phải thu | 36% | 31% | -5% |
| Tỷ lệ phải thu quá hạn so với tổng tài sản | 5,2% | 5% | -0,2% |
| Tỷ lệ phải trả quá hạn so với tổng phải trả | 17% | 26% | 9% |
| Tỷ lệ phải trả quá hạn so với tổng nguồn vốn | 3,4% | 5% | 1,6% |

***Nhận xét:***

Qua quá trình phân tích ta thấy tỷ lệ phải thu so với phải trả ở cuối kỳ và đầu kỳ đều >50% như vậy xu hướng vốn bị chiếm dụng cao hơn vốn chiếm dụng. Bên cạnh đó tỷ lệ phải thu đến hạn so với phải trả đến hạn cao hơn 50% chứng tỏ khoản phải thu đến hạn nhiều hơn các khoản phải trả, việc thu được các khoản phải thu đến hạn giúp cho doanh nghiệp có khả năng thanh toán các khoản phải trả đến hạn. Tuy nhiên, tỷ lệ khoản phải thu quá hạn so với phải trả quá hạn lại vượt 100%, chứng tỏ vốn bị chiếm dụng quá nhiều, có khả năng số vốn bị quá hạn kéo dài qua các năm, doanh nghiệp chưa có biện pháp thu nợ hiệu quả, doanh nghiệp cần xem xét việc đưa các khoản phải thu có khả năng không thu nợ được vào dự phòng nợ phải thu khó đòi để có phương án xử lý. Đối với các khoản phải thu quá hạn trong tổng khoản phải thu có xu hướng giảm ở cuối kỳ là 31% đầu kỳ là 36%, tuy <50% nhưng vẫn còn chiếm tỷ trọng đáng kể, do đó việc quản lý các khoản phải thu trở nên quan trọng nhất. Số vốn bị chếm dụng nhiều làm cho hoạt động kinh doanh giảm sút, doanh nghiệp bị động trong các hoạt động của doanh nghiệp. Tỷ lệ nợ phải trả quá hạn thấp hơn so với tổng nợ phải trả chứng tỏ so với khoản phải thu quá hạn thì tỷ lệ này ở mức thấp, có thể sử dụng các biện pháp thanh toán kịp thời để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, nâng cao uy tín cho các doanh nghiệp. Tóm lại qua quá trình phân tích ta thấy mối quan hệ giữa công nợ phải thu và phải trả đang nghiêng về các khoản phải thu, trong đó là các khoản phải thu quá hạn cần thiết phải được quan tâm và thực hiện thông qua các chính sách tích cực hơn, hạn chế số vốn bị chiếm dụng, phục vụ cho quá trình kinh doanh.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Ngọc Quang (2013), *Phân tích báo cáo tài chính*, NXB Tài Chính, Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Năng Phúc (2009), *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp*, NXB Thống kê, Đại học Kinh tế quốc dân.